



BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI
TỔNG CÔNG TY BẢO ĐẢM
AN TOÀN HÀNG HẢI MIỀN NAM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 250/TBHH-TCTBDATHHMN Bà Rịa - Vũng Tàu, ngày 27 tháng 9 năm 2024

THÔNG BÁO HÀNG HẢI

**Thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu
cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại**

BDH - 07 - 2024

Vùng biển: Tỉnh Bình Định

Tên luồng: Luồng hàng hải Quy Nhơn

Căn cứ Đơn đề nghị số 111/ĐN-CTN ngày 24/9/2024 của Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại về việc đề nghị công bố thông báo hàng hải thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại.

Thừa ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải, Tổng công ty Bảo đảm an toàn hàng hải miền Nam thông báo về thông số kỹ thuật khu nước trước bến, vùng quay tàu, khu nước ra luồng cầu cảng 30.000 DWT giảm tải và cầu cảng 5.000 DWT - Bến cảng Thị Nại như sau:

1. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 01) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1	13°46'27,0"N	109°14'52,9"E	13°46'23,3"N	109°14'59,3"E
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A1'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E
A2'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,2 m.

2. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 30.000 DWT (khu 02) được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A1'	13°46'25,7"N	109°14'53,8"E	13°46'22,0"N	109°15'00,3"E
A2'	13°46'26,8"N	109°14'55,4"E	13°46'23,0"N	109°15'01,9"E

A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E
A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,6 m.

3. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 30.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ toạ độ VN-2000		Hệ toạ độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A2	13°46'28,1"N	109°14'54,5"E	13°46'24,4"N	109°15'01,0"E
A3	13°46'32,3"N	109°15'01,0"E	13°46'28,6"N	109°15'07,5"E
A4	13°46'30,9"N	109°15'03,0"E	13°46'27,2"N	109°15'09,5"E
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A12	13°46'23,3"N	109°14'57,8"E	13°46'19,6"N	109°15'04,2"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,5 m.

4. Trong phạm vi khảo sát khu nước trước bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ toạ độ VN-2000		Hệ toạ độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A9	13°46'18,9"N	109°14'58,4"E	13°46'15,2"N	109°15'04,9"E
A10	13°46'22,3"N	109°14'56,1"E	13°46'18,5"N	109°15'02,6"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 7,4 m.

5. Trong phạm vi khảo sát khu nước ra luồng bến 5.000 DWT được giới hạn bởi các điểm:

Tên Điểm	Hệ toạ độ VN-2000		Hệ toạ độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
A5	13°46'27,9"N	109°15'04,7"E	13°46'24,1"N	109°15'11,2"E
A6	13°46'25,1"N	109°15'06,2"E	13°46'21,4"N	109°15'12,7"E

A7	13°46'19,5"N	109°15'08,1"E	13°46'15,8"N	109°15'14,5"E
A8	13°46'19,0"N	109°14'59,9"E	13°46'15,2"N	109°15'06,4"E
A11	13°46'23,0"N	109°14'57,2"E	13°46'19,3"N	109°15'03,7"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,8 m.

6. Trong phạm vi khảo sát vùng quay tàu đường kính 210 m, tâm O tại vị trí có tọa độ:

Tên Điểm	Hệ tọa độ VN-2000		Hệ tọa độ WGS-84	
	Vĩ độ	Kinh độ	Vĩ độ	Kinh độ
O	13°46'26,2"N	109°14'57,5"E	13°46'22,5"N	109°15'04,0"E

Độ sâu được xác định bằng máy hồi âm tần số 200 kHz tính đến mực nước số "0" Hải đồ đạt 6,5 m.

Để biết thêm thông tin chi tiết đề nghị liên hệ trực tiếp với Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại ⁽¹⁾.

Ghi chú: Số liệu độ sâu căn cứ bình đồ ký hiệu CTN_2409 tỷ lệ 1/1000 do Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam đo đạc hoàn thành tháng 9 năm 2024./.

Nơi nhận:

- Cục Hàng hải Việt Nam;
- Cảng vụ Hàng hải Quy Nhơn;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu Hàng hải miền Nam;
- Cty TNHH MTV Hoa tiêu HHMN – Hoa tiêu VII;
- Cty TNHH MTV Thông tin điện tử Hàng hải VN;
- Lãnh đạo Tổng công ty BĐATHH miền Nam;
- Website www.vms-south.vn;
- Phòng KTKH, KT;
- Lưu VT, P. ATHHĐat.

**KT.TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



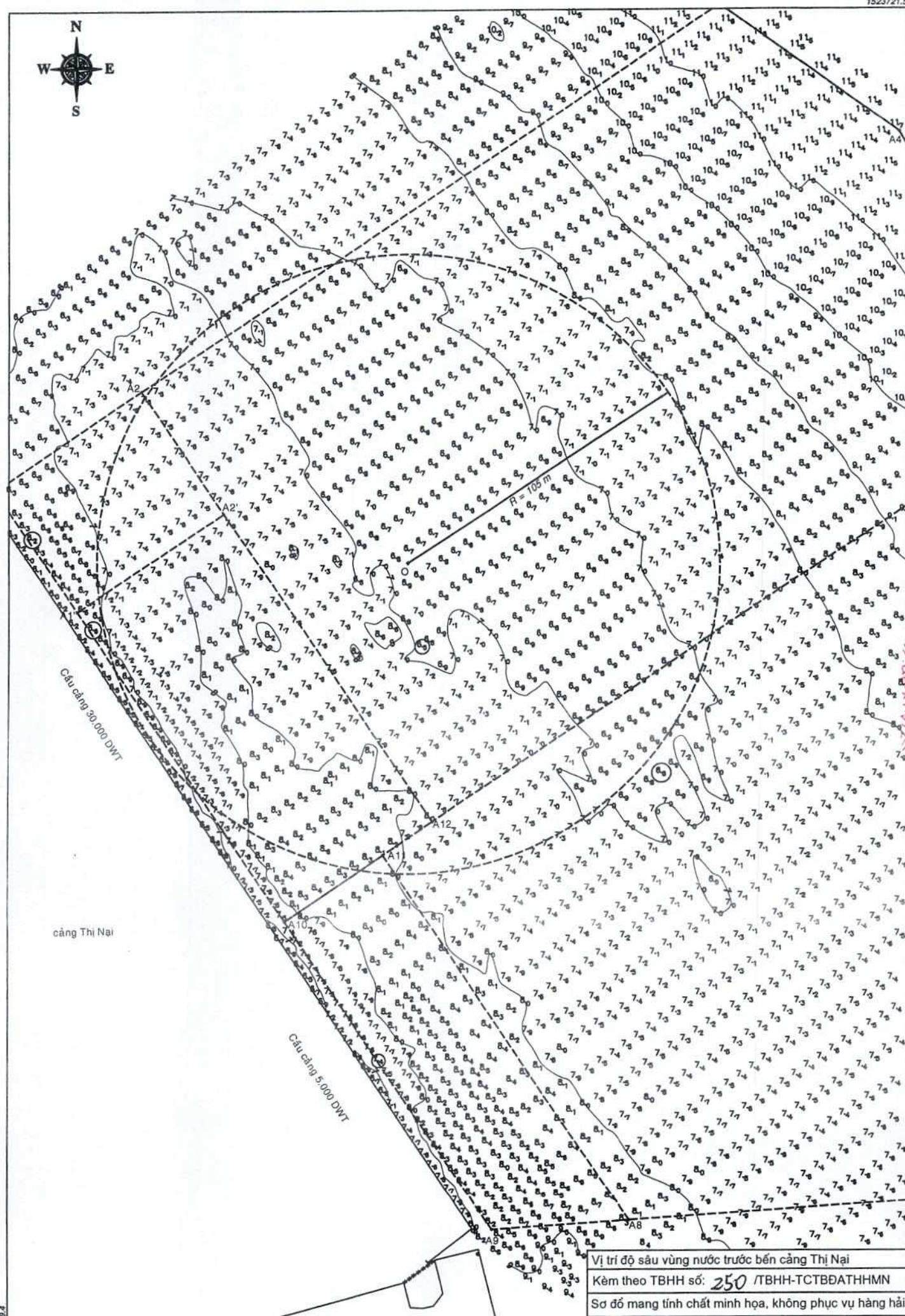
Phạm Tuấn Anh

(1) Tổ chức cung cấp số liệu, thông tin phục vụ việc công bố thông báo hàng hải chịu trách nhiệm trước pháp luật về sự chính xác của số liệu, thông tin mình cung cấp theo khoản 3, điều 47, Nghị định số 58/2017/NĐ-CP.

Danh sách nơi nhận kèm theo:

- 1 Bộ Tư lệnh Hải quân
- 2 Bộ Tư lệnh Cảnh sát Biển
- 3 Cục Đường thủy nội địa Việt Nam
- 4 Chi Cục Đường thủy nội địa khu vực III
- 5 Tập đoàn Dầu khí Việt Nam
 - XNLD Dầu khí Vietsovpetro (VSP)
 - Tổng Cty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC)
 - Tổng Cty Thăm dò khai thác Dầu khí (PVEP)
 - Tổng Cty Vận tải Dầu khí (PVTrans)
 - Cty CP Vận tải SP Khí quốc tế (Gas shipping)
 - Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu miền Nam (NASOS)
- 6 Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam
- 7 Tổng Cty Hàng hải Việt Nam
 - Công ty Vận tải Biển Đông (BISCO)
 - Công ty Vận tải biển container Vinalines (VCSC)
 - Công ty Vận tải biển Vinalines (VLC)
 - Công ty CP Hàng hải Đông Đô (DONG DO MARINE)
 - Cty CP VT biển & Hợp tác LĐ Q tế (INLACO SAIGON)
 - Công ty CP Hàng hải Vinalines Nha Trang
- 8 Đại lý Hàng hải Sài Gòn (Vosa Sài Gòn)
- 9 Đài tiếng nói nhân dân Tp.Hồ Chí Minh
- 10 Công ty Vận tải và Thuê tàu biển VN (VITRANSCHART)
- 11 Công ty Vận tải biển VN (VOSCO)
- 12 Công ty Vận tải biển III (VINASHIP)
- 13 Cty CP Dịch vụ và Vận tải biển Vũng Tàu (VUNGTAU SHIP)
- 14 Đài thông tin Duyên hải Tp.Hồ Chí Minh
- 15 Đài Thông tin Duyên hải Quy Nhơn
- 16 Cty Vận tải xăng dầu đường biển
- 17 Cty Vận tải Thủy Bắc
- 18 Cty VT và cung ứng xăng dầu đường thủy I
- 19 Cty Vận tải biển Sài Gòn
- 20 Trường Cao đẳng Hàng hải II
- 21 Trường Đại học GTVT TP.HCM
- 22 Cảng Sài Gòn
- 23 XN Tàu dịch vụ dầu khí
CN 1- Cty CP Trục vớt Cứu hộ Việt Nam
- 24 Công ty Phương Nam - Bộ Quốc phòng
- 25 Xí nghiệp Khảo sát hàng hải miền Nam
- 26 Cty Bảo đảm an toàn hàng hải Nam Trung Bộ
- 27 Sở GTVT tỉnh Bình Định
- 28 Sở NN&PTNT tỉnh Bình Định
- 29 Bộ đội biên phòng cửa khẩu tỉnh Bình Định
- 30 Công ty Cổ phần Cảng Thị Nại





Trích từ bình đồ đồ sâu ký hiệu CTN_2409, tỷ lệ 1/1.000